

Bản án số: 75/2022/HS-ST
Ngày 29-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Đỗ Trọng Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 198X tại B. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị N; có vợ là Trần Thị M và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 12/02/2022, tạm giam từ ngày 15/02/2022; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Vũ Đình H – Luật sư văn phòng luật Sư T thuộc Đoàn luật sư Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị hại:

+ Chị Hoàng Thị L, sinh năm 197Y; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh C; có mặt.

+ Anh Lộc Văn H, sinh năm 198Z; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu nên Hoàng Thị Vân B bàn với Nguyễn Thị P đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác thông qua hình thức mua bán thịt bò và chân gà đông lạnh. Cả hai thống nhất: B sẽ có trách nhiệm soạn thảo hợp đồng mua bán, tìm chủ hàng, người môi giới, người dẫn khách đi xem hàng, nhận tiền cọc; P có nhiệm vụ tìm mua điện thoại có chức năng thay đổi giọng nói đóng giả là Trần Văn T, Đội trưởng Đội xuất nhập khẩu hàng hóa Hải quan Cảng Đình Vũ - Hải Phòng trực tiếp liên hệ giao dịch với khách hàng và làm con dấu, dấu chức danh giả của Cơ quan Hải quan, Chi cục thú y.

Thực hiện kế hoạch đã bàn, B làm quen với anh Trần Văn K, sinh năm 199D, nơi cư trú: Bản C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn là người chuyên môi giới mua bán hàng đông lạnh nhờ K tìm người mua hàng. B thuê Nguyễn Văn T, sinh năm 198T, trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh B đóng giả là Hoàng Mạnh T, sinh năm 197U; trú quán: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q; Nguyễn Xuân N, sinh năm 197H, trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh B đóng giả là Nguyễn Xuân T, sinh năm 197J; nơi cư trú: Xã G, huyện T, Hải Phòng làm nhân viên của Trần Văn T để dẫn khách đi xem hàng đông lạnh tại các kho. Trong quá trình thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, B chuẩn bị cho T, N mỗi người một sim điện thoại để liên lạc với B, P và các bị hại, khi giao dịch xong mang về đưa lại cho B quản lý để tránh bị phát hiện.

Còn P liên hệ với một người đàn ông tên T1 không rõ lai lịch qua mạng xã hội facebook làm giả 02 dấu tròn có tên “Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ” và “Chi cục Thú y vùng II”; 02 dấu chức danh tên “Cục trưởng Đoàn Thanh Lũy” và “Chi cục trưởng Nguyễn Duy N”. Sau đó, P đến chợ Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn mua 01 điện thoại có chức năng thay đổi giọng nói từ nữ sang nam và ngược lại. P sử dụng điện thoại gọi cho anh K, giới thiệu bản thân tên là T, Đội trưởng Đội xuất nhập khẩu hàng hóa Hải quan Cảng Đình Vũ - Hải Phòng, nhờ K tìm hộ khách mua hàng đông lạnh và hứa mỗi container bán được sẽ trả cho anh K 10.000.000 đồng và có thể bồi dưỡng thêm tiền nếu công việc thuận lợi. B, P lập tài khoản Zalo mang tên “Trần T” có hình ảnh đại diện là cán bộ Hải quan kết bạn với anh K và gửi hình ảnh các container hàng đông lạnh cho anh K để K tin tưởng.

Bằng các thủ đoạn đã bàn bạc như trên, Hoàng Thị Vân B, Nguyễn Thị P, dưới sự giúp sức của Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân N thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Đầu tháng 10/2019, Nguyễn Thị P liên hệ với anh Trần Văn K và được K giới thiệu khách mua hàng thịt bò đông lạnh là chị Hoàng Thị L, sinh năm 197F, trú tại: Thị trấn H, huyện T, Tỉnh C. Sau khi xem hình ảnh hàng được gửi qua zalo, chị L hẹn ngày 18/10/2019 xuống Hải Phòng để xem hàng trực tiếp. Để có hàng cho chị L xem, P liên hệ với anh Lò Minh T2, sinh năm 199Y, nơi cư trú: Ba Khe, xã C, huyện V, tỉnh Y (người môi giới mua bán hàng đông lạnh). Khi

trao đổi với anh T2, P sử dụng điện thoại thay đổi giọng nói từ nữ sang nam và giới thiệu tên là T hiện đang công tác tại Hải quan cửa khẩu Lý Vạn - Tỉnh Cao Bằng nhờ T2 môi giới hàng để P dẫn khách đến mua. Anh T2 đồng ý và liên lạc với Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu M (viết tắt: Công ty M), có địa chỉ tại số X đường V, quận H, Hải Phòng hẹn ngày xuống Hải Phòng xem hàng. Ngày 18/10/2019, B, P chỉ đạo Nguyễn Văn T đóng giả là Hoàng Mạnh T nhân viên của T cán bộ Hải quan dẫn chị L đi xem hàng thịt bò đông lạnh của Công ty M để tại kho Sao Đỏ thuộc khu vực Cảng Đình Vũ, Hải Phòng. Sau khi xem hàng, chị L đồng ý mua 02 container với giá 04 tỷ đồng, T yêu cầu chị L phải đặt cọc trước 50% giá trị đơn hàng và chuyển hợp đồng mua bán do B soạn sẵn cho chị L xem. Thấy trên hợp đồng thể hiện bên bán hàng là Trần Văn T, Đội trưởng đội kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu Chi cục Hải quan cảng Đình Vũ - Hải Phòng và Hoàng Mạnh T nhân viên, có đóng dấu đỏ của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ nên chị L rất tin tưởng ký vào phần bên mua. Lấy lý do phải mang hợp đồng về làm thủ tục nên T lấy lại hợp đồng mang về đưa cho B để B tiêu hủy. Đến chiều cùng ngày, chị L nhờ chị họ là Bé Thị Q, sinh năm 197F; trú tại: TDP 1, thị trấn H, huyện T, tỉnh C chuyển số tiền 965.484.000 đồng vào tài khoản của Hoàng Văn H là bạn của K để chuyển cho T. Sau khi nhận được tiền, T mang về giao lại cho B tại nhà nghỉ Trà Mi ở số 32, đường Chùa Vẽ, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng. Để tiếp tục lừa chị L nên P, B dùng 450.000.000 đồng đặt cọc cho anh T2 lấy 02 container thịt bò và thỏa thuận với T2 khi nào lấy hàng sẽ thanh toán hết tiền. Số tiền còn lại B, P cho T 5.000.000 đồng và chia nhau ăn tiêu hết. Vì thống nhất với P vào ngày 28/10 đến 29/10/2019 sẽ giao 02 container thịt bò cho khách hàng của P tại cửa khẩu Trà Lĩnh, Cao Bằng nên anh T2 chuyển 300.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 198Y; trú tại: đường Ngô Gia T, phường Đ, quận H, Hải Phòng là Giám đốc Công ty M và chuyển 150.000.000 đồng cho anh Nguyễn Thế H, sinh năm 198S; trú tại: Xóm Y, H, xã H, thành phố C, tỉnh C đặt cọc lấy 02 container thịt bò.

Để có thể lấy hàng vào ngày 29/10/2019 nên ngày 19/10/2019 và ngày 23/10/2019, thông qua K, chị L đưa cho T 1.166.000.000 đồng để trả tiền hàng. Sau khi nhận tiền, B, P cho K 27.000.000 đồng tiền công môi giới, chia cho T 16.000.000 đồng, số tiền còn lại B, P chia nhau mỗi người 561.500.000 đồng.

Ngày 29/10/2019, Công ty M chờ 01 container thịt bò đông lạnh đến cửa khẩu Trà Lĩnh, Cao Bằng theo hợp đồng với anh T2 thì T gọi điện thoại cho chị L đến để nhận hàng. Do thỏa thuận với P mua 02 container thịt bò nên chị L yêu cầu được xem cả hai công hàng, vì thế T2 gọi điện thoại cho anh Nguyễn Thế H xin số điện thoại của lái xe chở hàng gửi cho P. P liên hệ với lái xe là anh Đinh Huy T3, sinh năm 198D; trú tại: Đ, T, V, Hải Phòng nhờ anh T3 đưa xe vào bãi để chị L xem hàng thì P sẽ chuyển cho anh T3 số tiền là 6.000.000 đồng. Anh T3 đồng ý lái xe vào bãi để mọi người mở kẹp chì kiểm tra hàng hóa. Sau khi xem xong chị L thấy hàng đúng như thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với T (P), T nên chị về nhà lấy 928.000.000 đồng đưa cho K nhờ K đưa cho T để lấy hàng. Tuy nhiên, vì hai công hàng chỉ mới đặt cọc chưa được thanh toán nên Công ty M và anh H không cho chị L lấy. Lúc này, T2 và chị L liên lạc với H không được, biết mình bị lừa nên

chị L dùng xe tải ngăn không cho chở hàng đi. Vì vậy, Công ty M đã phải trả cho chị L 250.000.000 đồng, anh H trả cho chị L 150.000.000 đồng tiền đặt cọc để lấy hàng về.

Số tiền 928.000.000 đồng chiếm đoạt của chị L ngày 20/10/2019, B, P cho K 18.000.000 đồng, B giữ lại 50.000.000 để chia cho T, số tiền còn lại B, P chia nhau mỗi người 430.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào tháng 10/2019, anh Trần Văn K tiếp tục giới thiệu anh Lộc Văn H, sinh năm 198X; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh L đến mua chân gà đông lạnh của Nguyễn Thị P. Ngày 21/10/2019, anh H đi cùng K xuống Hải Phòng xem hàng. Do có sự bố trí từ trước của Hoàng Thị Vân B, Nguyễn Thị P, anh H, K được Nguyễn Văn T dẫn vào kho Long Giang, thuộc Cảng Đình Vũ để xem hàng. Để anh H, K tin tưởng, ngày hôm sau, P gửi cho anh K hợp đồng mua bán có đóng dấu của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Đình Vũ. Sau khi xem hợp đồng anh H đã đồng ý mua 30 tấn chân gà đông lạnh với giá 1,1 tỷ đồng và đặt cọc trước 70% giá trị tiền hàng. Ngày 23/10/2019, tại Hải Phòng anh H đưa cho T 707.000.000 đồng tiền đặt cọc, T đưa lại hết cho P. Đến ngày giao hàng, P, T tắt liên lạc với anh H. Số tiền chiếm đoạt được, B, P chia nhau mỗi người 353.500.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Văn T được Hoàng Thị Vân B, Nguyễn Thị P chia cho là 33.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/7/2020, Nguyễn Văn T đã nộp 10.000.000 đồng (đã được xử lý tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022), ngày 24/02/2022 nộp 20.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Sau khi phạm tội Nguyễn Văn T trốn khỏi địa phương, ngày 11/02/2022 T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng để đầu thú.

Vật chứng của vụ án: Chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng số tiền 20.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, **các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan** không yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 75/CT-VKS ngày 23/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Văn T từ 16 năm đến 17 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đề nghị gì khác nên không xem xét giải quyết.

Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 33.000.000 đồng. Bị cáo T đã nộp 10.000.000 đồng và được giải quyết tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nên còn phải nộp lại số tiền là 23.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo giao nộp để đảm bảo việc thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T không có mặt tại phiên tòa ông H gửi bài bào chữa cho bị cáo với nội dung: Nhất trí về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo được hưởng mức án theo mức khởi điểm của khung hình phạt, thấp hơn mức Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại đề nghị xử nghiêm đối với bị cáo; trách nhiệm dân sự đã được xem xét tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nên không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Trách nhiệm dân sự, vật chứng trong vụ án đã được giải quyết tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì khác. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định trong bản án này anh Trần Văn K, Nguyễn Thùy L, Nguyễn Thế H không còn tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định:

Trong tháng 10/2019, bị cáo Nguyễn Văn T đóng giả là Hoàng Mạnh T nhân viên hải quan cảng Đình Vũ - Hải Phòng giúp sức cho Hoàng Thị Vân B, Nguyễn Thị P đưa ra các thông tin giả về khả năng mua bán hàng đông lạnh nhằm tạo lòng tin của các bị hại, sau đó yêu cầu các bị hại đặt tiền cọc để mua hàng để lừa đảo chiếm đoạt của chị Hoàng Thị L số tiền 3.059.484.000 đồng và của anh Lộc Văn H số tiền 707.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo và các đối tượng trên đã cấu thành đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đối với bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có cơ sở, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây dư luận rất xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi phạm tội mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại” đây là các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo đã ra đầu thú nên còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò của bị cáo và quyết định hình phạt:

[7] Về vai trò của bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nên cần căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt. Trong vụ án, vai trò của bị cáo T giúp sức cho B và P trong việc đưa các bị hại đi xem hàng để tạo lòng tin sau đó nhận tiền đặt cọc của các bị hại, rồi đưa lại cho P và B. Bị cáo được P và B chia cho số tiền là 33.000.000 đồng. Vì vậy, trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Văn T thấp hơn với các đối tượng khác trong vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về tiền thu lợi bất chính: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Văn T đã được Hoàng Thị Vân B và Nguyễn Thị P chia cho số tiền 33.000.000 đồng. Đây là tiền thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo phải nộp sung

ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 07/7/2020 Nguyễn Văn T đã nộp 10.000.000 đồng và số tiền này đã được giải quyết tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo nộp số tiền 23.000.000 đồng còn lại để sung ngân sách Nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo giao nộp để đảm bảo việc thi hành án.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/02/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Buộc bị cáo phải nộp lại 23.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng bị cáo giao nộp để đảm bảo việc thi hành án.

(Theo ủy nhiệm chỉ số UNC0150 lập ngày 25/5/2021 của phòng Cảnh sát hình sự công an thành phố Hải Phòng cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng KTNV và THA TAND TP. Hải Phòng;
- UBND xã (nơi BC cư trú);
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hà